

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/LĐ-PT

Ngày 29-8-2022

V/v tranh chấp về trường hợp bị
đơn phương chấm dứt hợp đồng
lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lực.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Cường;
Ông Huỳnh Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 17/2022/TLPT-LĐ ngày 18/7/2022 về việc “tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 05/2022/LĐ-ST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2022/QĐ-PT ngày 29/7/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Th, sinh năm 1984; địa chỉ tạm trú: Phòng A nhà trọ K, ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Đỗ Thùy L, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ N, khu phố P, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2021). Bà L có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH LH; địa chỉ trụ sở: Lô Y, khu công nghiệp U (khu A), xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của công ty: Ông Dương Anh K, sinh năm 1984; địa chỉ: Số N đường Đ, phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 17/01/2022). Ông K có mặt.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Th, bị đơn Công ty TNHH LH.
- *Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Th và người đại diện hợp pháp là bà Phạm Đỗ Thùy L trình bày:*

Bà Th làm việc tại Công ty TNHH LH (sau đây gọi tắt là Công ty hoặc Công ty LH) từ tháng 02 năm 2020. Sau đó, bà Th được Công ty LH ký Hợp đồng lao động số 040A1 có xác định thời hạn 12 tháng, từ ngày 01/8/2020 đến ngày 30/8/2021. Công việc theo hợp đồng: đóng gói, mức lương: 5.529.000 đồng/tháng.

Ngày 31/10/2020, bà Th đến Công ty LH làm việc, nhưng nhân viên bảo vệ không cho bà Th vào làm việc và cho bà Th xem thông báo về việc kỷ luật sa thải bà Th. Đến ngày 01/11/2020 Công ty gửi Quyết định số 215 cho bà Th về việc chấm dứt hợp đồng lao động, trong đó thể hiện: Công ty LH chấm dứt hợp đồng lao động với bà Th từ ngày 01/11/2020, lý do sa thải.

Nhận thấy, việc Công ty LH chấm dứt hợp đồng lao động là trái pháp luật nên bà Th khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Th các yêu cầu như sau:

- Tuyên bố Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 215 ngày 01/11/2020 của Công ty LH đối với bà Th là trái pháp luật.

- Buộc Công ty LH phải thanh toán cho bà Th các khoản sau:

- + Tiền lương, phụ cấp những ngày bà Th không được làm việc, tính từ ngày 01/11/2020 đến ngày 30/11/2021 là 12 tháng với số tiền: 5.529.000 đồng/tháng x 12 tháng = 66.348.000 đồng.

- + 02 tháng tiền lương và phụ cấp lương: 5.529.000 đồng/ tháng x 02 tháng = 11.058.000 đồng.

- + Trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trực tiếp cho bà Th từ ngày 01/11/2020 đến ngày 30/11/2021 là 12 tháng: 21,5% x 5.529.000 đồng x 12 tháng = 14.264.000 đồng.

- + Tiền lương trong thời hạn 30 ngày mà theo quy định Công ty phải thông báo cho bà Th trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là 30 ngày x 5.529.000 đồng x 26 ngày = 6.379.600 đồng.

** Theo biên bản trình bày ý kiến đề ngày 08/3/2022, các lời khai tại Tòa án người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Bà Th vào làm việc tại Công ty LH từ ngày 01/8/2020, theo Hợp đồng lao động số 040A1 được ký kết giữa hai bên với công việc là công nhân đóng gói, mức lương chính là 4.729.600 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc tại Công ty LH được thời gian ngắn bà Th đã nhiều lần vi phạm nội quy Công ty LH.

Ngày 09/10/2020, ông N - Chức vụ Giám đốc sản xuất và ông Hứa Hoàng B bộ phận quản lý trực tiếp của bà Th phát hiện bà Th vi phạm nội quy lao động nên lập biên bản cảnh cáo bà Th vì đã có hành vi xem điện thoại trong giờ làm việc. Trước đó, vào ngày 26/8/2020 bà Th đã vi phạm. Giám đốc đã nhắc nhở bà Th, bà Th xin lỗi và hứa khắc phục nên Công ty LH cho bà Th cơ hội sửa chữa vi phạm.

Ngày 31/10/2020, Công ty LH phát hiện bà Th tiếp tục xem điện thoại trong giờ làm việc, đây là lần vi phạm thứ ba. Hành vi của bà Th đã vi phạm vào Điều 6.1 Chương 6 quy định các hành vi vi phạm kỷ luật và hình thức xử lý kỷ luật, trách nhiệm vật chất của Nội quy lao động Công ty LH và bà Th nộp đơn xin nghỉ việc. Do đó, ngày 01/11/2020 Công ty LH ban hành Quyết định số 215 chấm dứt hợp đồng lao động với bà Th. Tuy nhiên, bà Th đã xé đơn xin thôi việc nên hiện nay Công ty LH không có đơn xin thôi việc của bà Th. Công ty LH thừa nhận việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Th theo quyết định nêu trên là sai về hình thức và nội dung. Về hình thức: Căn cứ vào đơn xin thôi việc của bà Th, nhưng hiện nay Công ty LH không lưu giữ đơn xin thôi việc của bà Th (do bà Th đã xé đơn xin thôi việc). Về nội dung: Quyết định chấm dứt hợp đồng với bà Th với lý do sa thải theo quy định là chưa phù hợp, Công ty LH không lập Hội đồng xử lý kỷ luật và không thông báo trước cho bà Th theo quy định là chưa phù hợp. Mức lương bà Th hàng tháng được nhận theo hợp đồng lao động là 4.729.600 đồng, nếu hàng tháng bà Th làm việc tích cực thì được nhận thêm các khoản tiền phụ cấp là tiền hỗ trợ nhà ở 200.000 đồng/tháng; hỗ trợ đi lại 200.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, bà Th mới vào làm việc cho Công ty thời gian ngắn, công sức bà Th đóng góp cho Công ty chưa nhiều. Trong quá trình làm việc, bà Th không chấp hành nội quy lao động của Công ty, do đó, trước yêu cầu của bà Th, Công ty LH chỉ đồng ý hỗ trợ bà Th 03 tháng tiền lương sau khi bà Th nghỉ việc là $4.729.600 \text{ đồng} \times 03 \text{ tháng} = 14.188.000 \text{ đồng}$.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 05/2022/LĐ-ST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Tuyên bố Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 215 ngày 01/11/2020 của Công ty LH đối với bà Th là trái pháp luật.

1.2. Buộc Công ty LH phải bồi thường cho bà Th các khoản tiền như sau:

- Tiền lương những ngày bà Th không được làm việc từ ngày 01/11/2020 cho đến ngày 30/8/2021: 42.566.400 đồng.

- 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động: 9.459.200 đồng.

- Tiền lương trong những ngày không báo trước: 5.457.230 đồng.

Tổng số tiền: 57.482.830 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th về yêu cầu Công ty LH phải thanh toán trực tiếp cho bà Th số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/11/2020 đến ngày 30/11/2021 là 14.264.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Cùng ngày 20/6/2022 nguyên đơn bà Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn Công ty LH kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 21/6/2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương có Quyết định số 02/QĐ-VKS-LĐ kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc bị đơn thanh toán tiền lương trong những ngày bà Th không được làm việc từ ngày 01/11/2020 đến tháng 3/2021 (ngày nguyên đơn có việc làm mới) là 05 tháng x 4.729.600 đồng = 23.648.000 đồng; buộc bị đơn có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phần nghĩa vụ của người sử dụng lao động cho bà Th tính từ ngày 01/11/2020 đến ngày 01/4/2021 trên mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm ($4.729.600 \text{ đồng} \times 05 \text{ tháng} \times 21.5\% = 5.084.320 \text{ đồng}$).

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi giảm yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu tính các khoản bồi thường theo mức lương 5.129.600 đồng/tháng và thời gian tính bồi thường 10 tháng (tính từ ngày 01/11/2020 đến ngày 30/8/2021). Những yêu cầu khác vẫn giữ nguyên.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố việc Công ty LH ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà Th trái pháp luật và phải bồi thường cho bà Th theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động 2012 là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Mức lương làm căn cứ bồi thường là 4.729.600 đồng/tháng và thời gian những ngày bà Th không được làm việc: Tính từ ngày 01/11/2020 đến ngày 30/8/2021 như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là đúng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định chỉ có 9 tháng là sai sót về số liệu tính toán. Tòa án sơ thẩm cần buộc bà Th và Công ty LH phải thực hiện nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội đối với thời gian gián đoạn chưa nộp bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2020 đến tháng 03/2021 đúng theo quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Th, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty LH.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “*Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”, bị đơn có trụ sở tại huyện B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ kiện còn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B được thực hiện trong thời hạn luật định, bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí nên việc kháng cáo, kháng nghị là hợp lệ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng lao động số 040A1 được ký kết giữa bà Th với Công ty LH có thời hạn 12 tháng, từ ngày 01/8/2020 đến ngày 30/8/2021. Về thời gian làm việc, các bên đương sự trình bày thống nhất: Từ ngày 01/11/2020 bà Th không còn làm việc tại Công ty LH.

[2.2.] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: Ngày 01/11/2020 bị đơn ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 215 đối với bà Th không báo trước; Căn cứ đơn xin thôi việc, nhưng trên thực tế không có đơn; lý do chấm dứt hợp đồng: Sa thải theo quy định, nhưng thực tế bị đơn không tổ chức họp xử lý kỷ luật lao động đối với nguyên đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là có căn cứ, theo quy định tại các Điều 38, 41, 123, 126 của Bộ luật Lao động năm 2012. Do đó, bị đơn đơn phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động.

[2.3] Về tiền lương: Theo hợp đồng lao động xác định mức lương chính của nguyên đơn là 4.729.600 đồng/ tháng; phụ cấp: Căn cứ vào chức danh và tính chất công việc để người lao động hưởng phụ cấp trách nhiệm và các khoản hỗ trợ bao gồm nhà ở 200.000 đồng/ngày công đi làm trong tháng; đi lại 200.000 đồng/ngày công đi làm trong tháng.

Theo Công văn số 34/CV-BHXXH ngày 06/4/2022 của Bảo hiểm xã hội huyện B xác định mức lương bị đơn đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn hàng tháng là 4.729.600 đồng.

Như vậy, căn cứ hợp đồng lao động và xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội thì có cơ sở xác định mức lương làm căn cứ buộc bị đơn bồi thường và đóng

bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là 4.729.600 đồng. Các khoản phụ cấp và hỗ trợ nhà ở, đi lại là những khoản phụ cấp chỉ được tính khi người lao động trực tiếp tham gia lao động mới xác định được nhu cầu liên lạc, đi lại và có thể hiện đầy đủ tinh thần trách nhiệm, mức độ hoàn thành công việc và sự chuyên cần hay không. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th với mức lương được áp dụng để xác định trách nhiệm bồi thường của bị đơn cho nguyên đơn là 4.729.600 đồng/tháng là phù hợp. Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với mức lương tính làm căn cứ bồi thường là 5.129.600 đồng/tháng là không có căn cứ.

[2.4] Xét các khoản bồi thường, bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn theo các quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 như sau:

- Tiền lương trong những ngày không được làm việc: Từ ngày 01/11/2020 đến hết ngày 30/8/2021: 4.729.600 đồng/tháng x 10 tháng = 47.296.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tính thời gian 09 tháng là có sai sót trong tính toán.

- Bồi thường 02 tháng lương theo hợp đồng lao động: 4.729.600 đồng x 2 = 9.459.200 đồng.

- Bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước đối với hợp đồng xác định thời hạn (30 ngày không báo trước): 4.729.600 đồng.

Cộng các khoản: 61.484.800 đồng.

[2.5] Về trách nhiệm đóng các khoản bảo hiểm xã hội: Theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 và các Điều 18, 19, 21, 22 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, bị đơn có trách nhiệm đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội vào quỹ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn trong những ngày nguyên đơn không được làm việc từ ngày 01/11/2020 đến ngày kết thúc hợp đồng lao động 30/8/2021. Tuy nhiên, do từ tháng 4/2021 bà Th đã làm việc tại Công ty TNHH G và đã được tham gia bảo hiểm xã hội nên bị đơn có trách nhiệm đóng các khoản bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn từ 01/11/2020 đến hết 31/3/2021 với mức lương 4.729.600 đồng/tháng. Bị đơn được quyền trích từ khoản tiền bồi thường cho nguyên đơn để thực hiện nghĩa vụ của người lao động. Xét thấy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền bảo hiểm xã hội trực tiếp cho bà Th số tiền 14.264.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền bảo hiểm xã hội là chưa phù hợp.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đơn là có cơ sở chấp nhận một phần, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B có căn cứ chấp nhận về phần các khoản bảo hiểm xã hội. Đối với khoản tiền bồi thường trong thời gian không được làm việc, xét thấy: Khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012 quy định người sử dụng lao động: “1. Phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và **phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động**

không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động.”. Các văn bản dưới luật (hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động) không có hướng dẫn nào khác và cũng không có án lệ về trường hợp này nên theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm giao kết hợp đồng lao động và phát sinh tranh chấp, thì người sử dụng lao động phải có nghĩa vụ bồi thường cho người lao động trong thời gian không được làm việc đến ngày kết thúc hợp đồng xác định thời hạn (trường hợp này, thời hạn hợp đồng kết thúc trước ngày xét xử sơ thẩm). Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B kháng nghị buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn trong khoảng thời gian đến ngày nguyên đơn có công việc mới là chưa phù hợp. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm về việc không chấp nhận một phần quyết định kháng nghị về thời gian bồi thường là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm do Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 38, 41, 42, 90, 123 và 126 của Bộ luật Lao động năm 2012; các Điều 18, 19, 21 và 22 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH LH. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Th. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-LĐ ngày 21/6/2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương. Sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số 05/2022/LĐ-ST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th đối với bị đơn Công ty TNHH LH về việc tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

- Tuyên bố Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 215 ngày 01/11/2020 của Công ty TNHH LH đối với bà Th là trái pháp luật.

- Buộc Công ty TNHH LH bồi thường cho bà Th số tiền 61.484.800 đồng.

- Buộc Công ty TNHH LH có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trích từ tiền lương bồi thường cho bà Th để đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho bà Th theo quy định của pháp luật từ ngày 01/11/2020 đến hết

ngày 31/3/2021 trên mức lương 4.729.600 đồng/tháng. Việc đóng bảo hiểm xã hội được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty TNHH LH phải nộp 1.844.544 đồng.
- Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH LH không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B hoàn lại cho Công ty TNHH LH số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010027 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LD, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Công Lực